

Dòng nhạc kỷ niệm với nhạc cũ miền Nam :

Hồ Đình Phương (thơ) & Thông Đạt (phổ nhạc): **Hồn Viễn Khách**



HỒN VIỄN - KHÁCH
Thơ của HỒ ĐÌNH PHƯƠNG Phổ nhạc : THÔNG ĐẠT

Lento

ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi...
ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi...
ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi...
ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi...
ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi...
ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi... ừi...

Copyright 1952 by
THÔNG - ĐẠT
Tổ ghi âm nhạc

Ấp dụng tại SINGAPORE
ngày 27 tháng 4 1952
tại The China Tin Company



Hồ Đình Phương (1927-1979) là nhà thơ Việt Nam, đã viết lời cho nhiều bản nhạc của các nhạc sĩ nổi tiếng trước 1975. Ông sinh ngày 1-3-1927 tại Huế, quê Phước Tích, tỉnh Thừa Thiên. Cha là Hồ Văn Huân làm quan triều Nguyễn. Mẹ ông họ Võ, mất sớm lúc ông còn nhỏ. Sau khi đất nước bị chia cắt bởi hiệp định Genève, gia đình phân tán, ông ở lại một mình tại Huế (với một phần gia đình hai bên nội ngoại).

Thời niên thiếu, ông đã học tại trường Pellerin, Hồng Đức... Đỗ tú tài Pháp, từng làm Giám đốc Hành chính Bệnh viện Huế. Trong thời gian này ông viết nhiều thơ, sách và nhiều bài đăng báo. Có lẽ vì xúc động trước cảnh đất nước tang thương cùng nỗi đau thương của gia đình ông đã viết rất nhiều thơ, nhạc bộc lộ tình yêu, sự đau khổ của quê hương và mơ ngày thanh bình...

Năm 1955, ông đem cả vợ con vào Nam để đi học. Ông đã đậu thủ khoa tại Học viện Quốc gia Hành chính, Sài Gòn năm 1958. Là một nhà thơ nên những lời viết cho các bản nhạc nhẹ nhàng, chan chứa tình yêu và đầy ý nghĩa nên rất được mọi người ái mộ. Trước năm 1975, Hồ Đình Phương đã cộng tác với các báo chí tập san: Tin mới, Người mới, Tiểu thuyết T.B., Phụ nữ, Công lý, Dân đen, Hoà bình, Tiếng chuông, Ánh sáng, Quàn chúng, Đời mới, Tân học, Thẩm mỹ, Mùa gặt mới, Tin điển, Dân thanh, Thế giới, Dân mới, Gió lên, Nghệ thuật, Văn nghệ tiền phong với tên thật hoặc với bút hiệu như Nhật Hồ hay Phương Nhật Hồ.

Sau khi tốt nghiệp Quốc gia hành chính ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Thuế vụ Thuế Trực thu và Gián thu tại tỉnh Long An. Khoảng năm 1960 ông giữ chức vụ Phó Tỉnh trưởng hành chính tỉnh Ninh Thuận. Sau sự kiện ngày 1-11-1963, ông dạy trường Đại học Thương mại Đà Lạt một thời gian, sau làm Giám đốc Công ty Kỹ nghệ Giấy Đồng Nai ở tỉnh Biên Hoà.

Sau 30/4/1975, ông phải đi học tập cải tạo khoảng hơn hai năm. Sau khi được thả về, tháng 11-1979 ông cùng vợ là Trần Thị Ngọc Oanh và bốn người con vượt biển bằng ghe và mất tích. Hiện còn hai người con gái của Hồ Đình Phương vẫn còn sống.

Trước năm 1975, Hồ Đình Phương đã viết nhiều tập thơ có giá trị như:

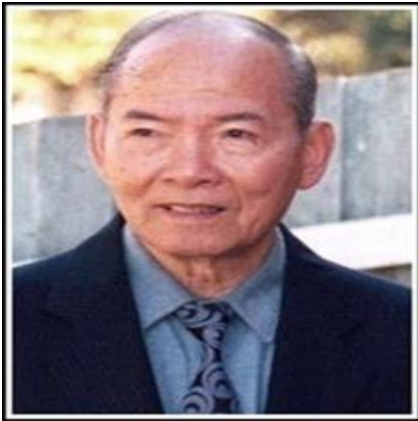
- Hai cuộc sống (1951)
- Tình thế hệ (1952) với sự hợp tác của: Lệ Thủy, Bích Nga, Chí Lan, Nhân Nam, Huyền Tu.
- Ai tìm lý tưởng (kịch thơ, 1952)
- Sưởi nắng (phát hành năm 1953, tái bản năm 1954)

Ngoài ra, ông còn nhiều tác phẩm chưa kịp xuất bản như:

- Hương thời gian (thơ)
 - Giữa lòng xã hội (thơ)
 - Nguồn cảm thông (thơ)
 - Thơ bốn phương (phê bình)
 - Thi pháp thực hành (biên khảo)
 - Thi ca với thời đại (lý luận)
 - Hương mùa (thi phẩm hợp tuyển của nhiều thi sĩ có tiếng)
 - Và nhiều tác phẩm đang viết.
- (Tổng hợp từ nhiều nguồn)

Thông Đạt

Tiểu sử Nhạc sĩ Văn Giảng (bài viết của Nhạc sĩ Lê Dinh)



Nhạc sĩ Văn Giảng/Thông Đạt (1924-2013)

*Đường trường xa muôn vó câu bay dập dồn
Đoàn hùng binh trong sương lướt gió reo vang
Đi đi đi, lời thề nguyện, tung gươm thiêng, thi gan trai
Đời hùng cường quyết chiến đấu đoàn quân ra đi...*

Trên đây là lời ca 8 trường canh đầu của bài hành khúc “Lục Quân Việt Nam” của Văn Giảng mà mọi người Việt Nam, từ cậu học sinh đến anh tân binh ở quân trường cũng như tất cả quân nhân Việt Nam Cộng Hòa đều biết. Bài hát được tác giả viết vào năm 1950 với cung Ré trưởng, khi được đồng ca bởi một số đông người, đem lại cho người nghe một cảm giác như hăng say cương quyết, như nung chí anh hùng:

*... Phá tan thành ầm ầm đoàn quân xông pha
Thét oai linh tung gươm giết tan quân thù
Đoàn hùng binh say sưa nhìn trong trời sương
Ta anh hùng đời đời lục quân Việt Nam...*

Nhạc sĩ **Văn Giảng** sinh ngày 12 tháng 5 năm 1924 tại Huế trong một gia đình trung lưu. Thừa hưởng năng khiếu thiên phú gia tộc về âm nhạc vì ông nội của Văn Giảng cũng là một nhạc sĩ cổ nhạc rất giỏi cho nên Văn Giảng cũng có khiếu về âm nhạc từ lúc nhỏ và ngày còn bé, nghe người ta chơi một loại nhạc khí nào là ông có thể về mò mẫm tự học lấy và thành công trong việc xử dụng loại nhạc khí đó. Cũng như mọi người thích âm nhạc và quyết tâm chơi nhạc, loại đàn dễ học nhất cho mọi người là đàn mandoline, nhạc sĩ Văn Giảng cũng vậy, khi bắt đầu ông học đàn măng cầm và sau đó lần đến lãnh vực tây ban cầm.

Có một người bạn lớn tuổi hơn ông biết đàn tây ban cầm, Văn Giảng muốn tầm sư học đạo, đến nhà ông này để nhờ chỉ dạy nhưng người này bắt ông phải trả công bằng một cây đàn guitar. Làm gì có tiền ở lứa tuổi còn nhỏ ? Văn Giảng về nhà tìm tòi tự học lấy và chỉ một thời gian sau, ông vượt qua tài nghệ của ông “thầy hựt” kia và ông này phải nhờ Văn Giảng chỉ lại cho. Nhờ có biệt tài như vậy mà nhạc sĩ Văn Giảng có thể xử dụng rành rẽ nhiều nhạc khí cổ kim, trở thành một nhạc sĩ tài giỏi và đào tạo rất nhiều môn sinh có trình độ sau này.

Không những chỉ trong lãnh vực âm nhạc mà thôi, nhạc sĩ Văn Giảng còn nổi bật trong lãnh vực văn hóa, mọi thứ, mọi việc ông đều tự học như vừa làm giáo sư âm nhạc ở Huế, ông vừa tự học để rồi sau đó lặn lội vào Saigon thi lấy bằng tú tài và bằng cử nhân.

Ông tốt nghiệp Anh văn ở Hội Việt Mỹ và trúng tuyển cuộc thi tuyển sinh viên nghiên cứu về âm nhạc ở ngoại quốc, được xuất dương du học tại trường Âm nhạc lớn của Hoa Kỳ ở Hawaii và Bloomington. Ở Hoa Kỳ, Văn Giảng đã tốt nghiệp với lời khen của Ban Giám khảo và được cấp thêm học bổng để nghiên cứu bậc cao học âm nhạc. Sau đó ông trở về nước và được đề cử làm Giám đốc trường Quốc gia Âm nhạc Huế.

Phần đông những sáng tác của nhạc sĩ Văn Giảng thuộc loại hùng ca như “Thúc Quân” (1949), “Lục Quân Việt Nam” (1950), “Đêm Mê Linh” (1951), “Quân Hành Ca” (1951), “Qua Đèo” (1952), “Nhảy Lửa” (1953), v.v. nhưng ít người được biết nhạc sĩ Văn Giảng còn có một biệt hiệu khác là “Thông Đạt” với ca khúc bất hủ “Ai Về Sông Tương” mà mọi người trong giới học sinh, sinh viên và ở lứa tuổi 40 trở lên đều biết:

*Ai có về bên bến sông Tương
Nhấn người duyên dáng tôi thương
Bao ngày ôm mỗi tơ vương
Tháng với ngày mơ nhuộm đau thương
Tâm hồn mơ bóng em luôn
Mong vài lời em ngập hương...*

Bài ca này được tác giả viết vào năm 1949 với cung La trưởng, uyển chuyển tha thướt trong phần lời lãng mạn, trữ tình, là một bản nhạc gối đầu giường, nằm lòng của thanh thiếu niên nam nữ trong những thập niên 50-60.

Về ca khúc này, có một câu chuyện khá thú vị như sau: Trong những thập niên 1940, 1950, ở Huế ai ai cũng biết ông Tăng Duyệt, giám đốc nhà Xuất bản Tinh Hoa Huế (xin đừng lẫn lộn với nhà xuất bản Tinh Hoa miền Nam ở Saigon do nhạc sĩ Lê Mộng Bảo làm giám đốc) in ấn và phát hành một số nhạc phẩm ít oi của thời đó.

Là nhạc sĩ, đương nhiên Văn Giảng chơi thân với ông Tăng Duyệt vì một số hành khúc của ông đều do nhà xuất bản Tinh Hoa Huế của ông Tăng Duyệt ấn hành. Một hôm trong lúc vui miệng, ông Tăng Duyệt có ngụ ý bảo rằng nhạc sĩ Văn Giảng chỉ viết được những bài hùng ca thôi còn về những bài tình ca không phải sở trường của Văn Giảng.

Nghe vậy hay vậy, không cần phải trả lời. Nhạc sĩ Văn Giảng về nhà, âm thầm lấy giấy bút viết bài “Ai Về Sông Tương”, không ghi tên tác giả là Văn Giảng như mọi khi mà để tên tác giả là Thông Đạt, một bút hiệu mới toanh trong làng tân nhạc Việt Nam thời đó. Bản “Ai Về Sông Tương” được tác giả Thông Đạt gửi đến các đài phát thanh ở Hà Nội, Huế và Saigon và cả nước đều nghe “Ai Về Sông Tương” của Thông Đạt trong thời gian sau đó:

*... Thu nay về vương ánh thê lương
Vắng người duyên dáng tôi thương
Mối tình tôi vẫn cô đơn
Xa muôn trùng lưu luyến nhớ em
Mơ hoài hình bóng không quên
Hương tình mộng say dịu êm...*

Sau nhiều lần được nghe bài “Ai Về Sông Tương” quá hay trên làn sóng điện, qua các đài phát thanh, ông Tăng Duyệt gặp Văn Giảng và hỏi ở trong giới nhạc, Văn Giảng có biết Thông Đạt, tác giả bài “Ai Về Sông Tương” là ai không để ông thương lượng mua bản quyền xuất bản nhạc phẩm này nhưng Văn Giảng tảng lờ như không biết Thông Đạt là ai!

Rồi một hôm có hai người bạn trẻ của Văn Giảng là nhạc sĩ Đỗ Kim Bảng, tác giả bài “Mùa Thi” (Thi ơi là thi, sinh mi làm chi, “bay” nghẹn ngào, “bám”, ồn áo, buồn vui vì mi) và nhà văn Lữ Hồ tình cờ đến nhà Văn Giảng chơi và thấy bản thảo bài “Ai Về Sông Tương” với tuồng chữ và lối chép nhạc của nhạc sĩ Văn Giảng trong xấp nhạc trên bàn viết nên nói cho ông Tăng Duyệt biết. Ông này mới lái xe ngay tới nhà Văn Giảng và vài ngày sau đó, giới ngưỡng mộ tân nhạc mới có một ca khúc với thể điệu “Blues” tha thướt trong tay để mà ngân nga cho đỡ thương đỡ nhớ những khi trái tim rung động vì một bóng hình nào đó.

Nhạc phẩm “Ai Về Sông Tương” đã chiếm kỷ lục tái bản thời đó với 6 lần in thêm trong tháng đầu tiên và được thính giả Đài Phát thanh Pháp Á chọn là bài nhạc hay nhất trong năm 1949. Qua bút hiệu Thông Đạt, chúng ta còn được thưởng thức những sáng tác sau đây: “Đôi Mắt Huyền”, “Hoa Cài Mái Tóc”, “Tình Em Biển Rộng Sông Dài”, “Xin Đừng Chờ Em Nữa”, v.v.

Ngoài hai bút hiệu trên, Văn Giảng – Thông Đạt còn một bút hiệu thứ ba để sáng tác những bài Phật giáo. Đó là bút hiệu Nguyên Thông được dùng để ghi trên những nhạc phẩm như “Tử Đàm Quê Hương Tôi”, “Mừng Đản Sanh”, “Ca Tỳ La Vệ”, “Vô Thường”, “Hoa Cài Áo Lam”, v.v.

Trong thời gian làm nhạc trưởng Đài Phát thanh Huế và giáo sư âm nhạc tại các trường Trung học Hàm Nghi, Quốc Học và trường Sư phạm đào tạo giáo viên Tiểu học, nhạc sĩ Văn Giảng có sáng tác và ấn hành một tập nhạc dành cho thiếu nhi mang tên: “Hát Mà Học” gồm có 10 ca khúc: Đến Trường, Chơi Ná, Chê Trò Xấu Nết, Mèo Chuột, Tham Mồi, Gương Sáng Lê Lai, Quang Trung Hùng Ca, Trăng Trung Thu, Chúc Xuân và Tạm Biệt.

Cũng trong lãnh vực âm nhạc, nhờ xuất thân từ một gia đình có truyền thống âm nhạc, Văn Giảng thích tìm tòi và nghiên cứu nhạc cổ truyền Việt Nam. Năm 1956, ông đã tìm ra phương pháp ký âm cho nhạc sĩ cổ truyền có thể nhìn bài bản mà trình tấu chung với nhạc sĩ tân nhạc và từ đó, ông thành lập ban cổ kim hòa điệu “Việt Thanh”, một ban nhạc đầu tiên trong nước dưới hình thức tân cổ hòa điệu với những nhạc khí tranh, tỳ, nhị huyền, nhị hồ, đàn nguyệt... hoà tấu chung với dương cầm, tây ban cầm, đại hồ cầm...

Trong phạm vi này, ông đã hoàn thành tác phẩm độc đáo “Ai Đưa Con Sáo Sang Sông”, một bản đại hòa tấu, thời lượng 60 phút, trình diễn bởi các nhạc sĩ cổ truyền. Ông cũng đã soạn nhiều sách giáo khoa về âm nhạc, hoàn thành quyển “Kỹ Thuật Hoà Âm” dày 350 trang được dùng làm tài liệu dạy âm nhạc ở các trường.

Sau Tết Mậu Thân 1968, cảm thấy sinh sống ở Huế bất an – ông Tăng Duyệt, bạn thân của ông, đã chết trong biến cố này – nhạc sĩ Văn Giảng vào Saigon lập nghiệp từ năm 1969 và ông nhanh chóng hòa hợp với nhịp sống âm nhạc của thủ đô, soạn hòa âm cho hãng đĩa Asia – Sóng Nhạc, dạy nhạc tại trường Quốc gia Âm nhạc Saigon, tham gia sinh hoạt ca nhạc ở đài phát thanh, đài truyền hình.

Cũng trong thời gian này, một số nhạc phẩm tình cảm với bút hiệu Thông Đạt của ông được thành hình và tung ra thị trường. Đồng thời, Văn Giảng được Bộ Văn Hóa Giáo Dục đề cử làm Trưởng Phòng Học Vụ Nha Mỹ Thuật, đảm trách học vấn của các trường Âm nhạc Saigon, Huế và các trường Cao đẳng Mỹ thuật.

Năm 1970, ông được huy chương vàng giải Văn học Nghệ thuật của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa (âm nhạc loại A) với sáng tác phẩm “Ngũ Tấu Khúc” (Quintet for Flute and Strings). Cùng năm này, ông được chỉ định làm Giám đốc Nghệ thuật điều hành Đoàn Văn nghệ Việt Nam gồm 100 nghệ sĩ tân cổ nhạc và vũ, ban vũ do nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ phụ trách, ban vũ cổ truyền đại nội Huế do nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba điều khiển, để tham dự Hội chợ Quốc tế Expo 70 tại Osaka (Nhật Bản).

Sau 1975, nhạc sĩ Văn Giảng kẹt lại Việt Nam cho đến năm 1981 mới vượt biên đến đảo Natuna (Nam Dương) và sau đó được chuyển đến đảo Pulau Galang. Ở đây, trong 6 tháng, Văn Giảng sáng tác được một số bài nói lên thân phận lạc loài của người dân mất nước mà bài đầu tiên là “Natuna người tình đầu” cùng một số 70 ca khúc khác.

Ngày 20/5/1982, Văn Giảng định cư tại Úc, ở đây, ông tiếp tục con đường âm nhạc, soạn và xuất bản nhiều sách nhạc lý như cách dùng hợp âm, tự học tây ban cầm, hòa âm, sáng tác, học hát, học đàn, v.v.

Ở đây, ông cũng đã sáng tác thêm nhiều tình khúc như: 12 tình khúc (Tập I), 12 Tình Khúc (Tập II), v.v. Những ai thiết tha với tân nhạc, muốn đi sâu, tìm hiểu hơn về sáng tác và hòa âm hoặc muốn trau dồi việc xử dụng các nhạc khí kim cổ, thiết nghĩ không gì bằng tìm các sách giáo khoa của nhạc sĩ Văn Giảng để đi đến nơi đến chốn. Văn Giảng hiện cư ngụ ở thành phố Footscray, bang Victoria (Úc Châu), điện thoại: (03) 9689-9623. Ngoài một gia sản âm nhạc đồ sộ, từ những hành khúc hùng dũng đến những cung bậc uyển chuyển là lướt của những bài tình ca qua những điệu nhạc vui tươi yêu đời dành cho thiếu nhi và những ca khúc uy nghiêm về Phật giáo, nhạc sĩ Văn Giảng còn đóng góp trong việc phổ biến âm nhạc Việt Nam ở hải ngoại với một số lượng đáng kể về sách dạy nhạc viết bằng Việt ngữ và Anh ngữ, chẳng những dành cho thế hệ trẻ Việt Nam ở hải ngoại mà cho cả người ngoại quốc muốn học hỏi và tìm hiểu về nền âm nhạc Việt Nam.

Một con người giản dị, khiêm nhường, không thích phô trương với một gia tài âm nhạc to lớn như thế của mình ẩn náu nơi một góc trời Đông sau ngày mất nước quả thật là một người đáng kính nể, đáng tôn trọng trong làng âm nhạc Việt Nam.

Lê Dinh

Nguồn: <https://thanhthuy.me/2013/05/12/nhac-si-van-giang-le-dinh/>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VIỆT NAM VĂN HIẾN ON LINE VỚI HƠN 10200 TÁC PHẨM